

15. KINH A-NẬU-DI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Minh-ninh, đất A-nậu-di². Cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành A-nậu-di khát thực. Rồi Thế Tôn thầm nghĩ: “Nay Ta đi khát thực, thời gian còn quá sớm. Ta hãy đến khu vườn của Phạm chí Phòng-già-bà³. Tỳ-kheo cần phải đúng giờ mới đi khát thực”.

Thế Tôn đi đến khu vườn kia. Khi ấy Phạm chí từ xa trông thấy Phật liền đứng dậy nghinh tiếp, cùng chào hỏi, rằng: “Hoan nghinh Cù-đàm. Từ lâu không đến. Nay do duyên gì lại khuất tất đến đây? Xin mời Cù-đàm ngồi chỗ này”.

Thế Tôn liền ngồi vào chỗ ấy. Phạm chí ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

“Đêm hôm qua có Tỳ-kheo Thiện Tú người Lê-xa⁴ đến chỗ tôi nói rằng: ‘Đại sư, tôi không theo Phật tu phạm hạnh nữa. Sở dĩ vậy là vì Phật xa lạ với tôi.’ Người ấy nói với tôi những sai lầm của Cù-đàm. Tuy có nói như vậy, nhưng tôi không chấp nhận.”

Phật nói với Phạm chí:

-
- ¹. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh* quyển 11, Đệ nhị phần, “A-nậu-di kinh” Đệ thập nhất. Tương đương Pāli, D.24 Pāṇika-suttanta.
 - ². Hán: Minh-ninh quốc A-nậu-di thổ 冥寧國阿耨夷土 D.21: Mallesu viharati anupiyam nāma mallānam nigamo, trú giữa những người Malla, trong thôn Anupiya của người Malla.
 - ³. Hán: Phòng-già-bà Phạm chí viên quán 房伽婆梵志園觀; Pāli (D.21): Bhaggava-gottassa paribbālakassa āramo: tinh xá của du sĩ thuộc dòng họ Bhaggava.
 - ⁴. Lê-xa tử Thiện Tú Tỳ-kheo 隸車子善宿比丘; Pāli (D.21): Sunakkhatto Licchaviputto, Sunakkhatta, con trai của người Licchavi.

“Điều mà Thiện Tú kia nói, Ta biết ông không chấp nhận. Xưa, một thời, Ta đang ở trên Tập pháp đường, bên bờ hồ Di hầu⁵, thuộc Tỳ-da-li; khi ấy Thiện Tú này đi đến chỗ Ta, nói với Ta rằng: ‘Như Lai xa lạ với con. Con không theo Như Lai tu phạm hạnh nữa.’ Ta khi ấy nói rằng: ‘Người vì sao nói rằng không theo Như Lai tu phạm hạnh nữa, vì Như Lai xa lạ với người?’ Thiện Tú đáp: ‘Như Lai không hiện thần túc biến hóa⁶ cho con thấy.’

“Ta khi ấy nói rằng: ‘Ta có mời người đến trong pháp Ta tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thần túc cho người thấy không? Sao lại nói: ‘Như Lai hãy hiện thần túc biến hóa cho con thấy, con mới tu phạm hạnh’? Khi ấy Thiện Tú trả lời Ta rằng: ‘Không, bạch Thế Tôn’.”

Phật nói với Thiện Tú⁷:

“Ta cũng không nói với người: ‘Người hãy ở trong Pháp của Ta mà tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thần túc biến hóa cho thấy.’ Người cũng không nói: ‘Hãy hiện thần túc cho con thấy, con sẽ tu phạm hạnh.’ Thế nào, Thiện Tú, theo ý người, Như Lai có khả năng hiện thần thông, hay không có khả năng? Pháp mà Ta giảng thuyết, Pháp ấy có khả năng dẫn đến xuất ly, tận cùng biên tế của khổ chướng⁸.”

Thiện Tú bạch Phật:

“Đúng vậy, Thế Tôn. Như Lai có thể thị hiện thần túc, chứ không phải không thể. Pháp được giảng dạy có khả năng dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ, chứ không phải không diệt tận.”

“Cho nên, này Thiện Tú, ai tu hành phạm hạnh theo Pháp mà Ta giảng dạy thì có thể hiện thần túc chứ không phải không thể; pháp ấy dẫn đến xuất ly, không phải không thể xuất ly. Người mong cầu cái gì đối với pháp ấy?”

Thiện Tú nói:

⁵. Di hầu trì 彌猴池, ao vườn; Pāli: Makoṭṭa; D.21 không có chi tiết này.

⁶. Thần túc biến hóa 神足變化; Pāli (D.21): uttarimanussadhammā iddhipāṭi-hāriya: sự thị hiện thần thông, pháp của bậc thượng nhân (siêu nhân).

⁷. Văn tự thuật chuyển sang văn tường thuật.

⁸. Tham chiếu Pāli (D.21): kate vā uttarimanussadhammā iddhipāṭihāriye akate uttarimanussadhammā iddhipāṭihāriye yassatthāya mayā dhammo desito niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyā ti: dù sự thị hiện thần thông, pháp của bậc thượng nhân, có được thực hiện hay không được thực hiện, nhưng pháp mà Ta giảng dạy chân chánh dẫn đến sự diệt trừ đau khổ.

“Thế Tôn thỉnh thoảng không dạy con bí thuật của cha con mà Thế Tôn đã biết hết, nhưng vì keo kiệt mà không dạy cho con.”

Phật nói:

“Thiện Tú, Ta có bao giờ nói với người rằng: ‘Người hãy ở trong pháp Ta tu phạm hạnh, Ta sẽ dạy cho người bí thuật của cha người chẳng?’”

Đáp: “Không”.

“Cho nên, này Thiện Tú, trước đây Ta không nói như vậy. Người cũng không nói. Vậy tại sao nay nói như thế?”

“Thế nào, Thiện Tú, Như Lai có thể nói bí thuật của cha người, hay không thể? Pháp mà Ta giảng dạy có dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ chẳng?”

Thiện Tú nói:

“Như Lai có thể nói bí thuật của cha con, không phải không thể. Pháp đã được giảng dạy có thể dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ, chứ không phải không thể.”

Phật lại bảo Thiện Tú:

“Nếu Ta có thể nói bí thuật của cha người, cũng có thể nói pháp, nói sự xuất ly, sự lìa khổ, thì người tìm cái gì trong pháp của Ta?”

Phật lại nói với Thiện Tú:

“Người, trước kia ở trong lãnh thổ của người Bạt-xà⁹, thuộc Tỳ-xá-ly, đã bằng vô số phương tiện xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán chúng Tăng. Cũng như một người khen ngợi một cái ao trong mát kia bằng tám cách khiến mọi người ưa thích: một, lạnh; hai, nhẹ; ba, mềm; bốn, trong; năm, ngọt; sáu, không bẩn; bảy, uống không chán; tám, khỏe người. Người cũng vậy, ở trong lãnh thổ Bạt-xà, Tỳ-xá-ly, xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán chúng Tăng, khiến mọi người tin vui. Thiện Tú, nên biết, ngày nay người bị lui sụt, người đời sẽ nói rằng: ‘Tỳ-kheo Thiện Tú có nhiều quen biết, lại thân cận Thế Tôn và cũng là đệ tử Thế Tôn; nhưng không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh; đã xả giới, hoàn tục, thực hành hèn hạ.’ Phạm chí, nên biết, khi ấy Ta nói đủ lời, nhưng Thiện Tú không thuận lời dạy của Ta, mà đã xả giới hoàn tục.

⁹. Hán: Tỳ-xá-ly Bạt-xà thổ 毗舍離跋闍土; Pāli (D.21): Vajjigāme: tại làng Vajji (Bạt-kỳ).

“Phạm chí, một thời Ta ở tại Tập pháp đường bên bờ hồ Di hầu¹⁰; khi ấy có Ni-kiền Tử tên là Già-la-lâu¹¹ dừng chân tại chỗ kia, được mọi người sùng kính, tiếng tăm đồn xa, có nhiều quen biết, lợi dưỡng đầy đủ. Khi ấy Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly khát thực; đi lần đến chỗ Ni-kiền Tử. Bấy giờ, Thiện Tú hỏi Ni-kiền Tử bằng ý nghĩa sâu xa. Ni-kiền Tử ấy không đáp được, liền sanh tâm sân hận. Thiện Tú nghĩ thầm: ‘Ta làm người này bực bội¹², sẽ phải chịu quả báo lâu dài chăng?’ Phạm chí, nên biết, Tỳ-kheo Thiện Tú sau khi khát thực về, cầm y bát đến chỗ Ta, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thiện Tú khi ấy không đem duyên cơ ấy mà kể lại với Ta. Ta nói với Thiện Tú rằng: ‘Người ngu kia, người há có thể tự nhận mình là Sa-môn Thích tử chăng?’ Thiện Tú giây lát hỏi Ta rằng: ‘Thế Tôn vì duyên cơ gì mà gọi con là người ngu? Không xứng đáng tự nhận là Sa-môn Thích tử?’ Ta nói: ‘Người ngu kia, có phải người đã đến Ni-kiền Tử mà hỏi ý nghĩa sâu xa, nhưng người kia không đáp được bèn sanh sân hận. Người nghĩ thầm: “Ta nay làm người này bực bội, há sẽ phải chịu quả báo đau khổ lâu dài chăng?” Người có nghĩ như vậy không?’ Thiện Tú bạch Phật rằng: ‘Người kia là A-la-hán. Sao Thế Tôn có tâm sân hận ấy¹³?’. Ta khi ấy trả lời rằng: ‘Người ngu kia, La-hán làm sao lại có tâm sân hận? Ta, La-hán, không có tâm sân hận. Người nay tự cho người kia là La-hán. Người kia có bảy sự khổ hạnh, đã được gìn giữ lâu ngày. Bảy khổ hạnh ấy là gì? Một, suốt đời không mặc quần áo. Hai, suốt đời không uống rượu, ăn thịt, cũng không ăn cơm và thực phẩm bằng bột mì¹⁴. Ba, suốt đời không vi phạm phạm hạnh. Bốn, trọn đời không rời bốn tháp bằng đá¹⁵ ở Tỳ-xá-ly; phía Đông là tháp Ưu viên, phía Nam tháp Voi, phía Tây tháp Đa tử, phía Bắc tháp Thất tự¹⁶.

¹⁰. Bản Pāli, D.21: Vesāliyaṃ mahāvane Kūṭāgārasālāyaṃ, ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), trong rừng Đại lâm, Trùng các giảng đường.

¹¹. Ni-kiền Tử Già-la-lâu 尼乾子伽羅樓; Pāli, D.21, bản Devanagari: Kālāramaṭṭako, bản Roman: Kandaramasuko.

¹². Pāli, D.21: arahantaṃ samaṇaṃ āsādimhase: ta dā dā kīca vī Sa-mōna A-la-hāna.

¹³. Pāli, D.21: Kīma pana, Bhante, Bhagavā arahattassa maccharāyatī ti, Thế Tôn, sao Thế Tôn ganh tị với một vị A-la-hán?

¹⁴. Tham chiếu Pāli, D.21: yāvajīvaṃ surāmaṃseneva yāpeyyaṃ na odanakummā sam bhuñjeyyaṃ, trọn đời thọ hưởng rượu và thịt, chứ không cơm cháo.

¹⁵. Hán: thạch tháp 石塔; Pāli: cetiya.

¹⁶. Đông danh ưu viên tháp 東名憂園塔; Pāli: puritthamena Vesāliṃ Udenaṃ nāma

Trọn đời không rời khỏi bốn tháp ấy, coi đó là bốn sự khổ hạnh. Nhưng người ấy về sau vi phạm bảy khổ hạnh này và mạng chung ở ngoài thành Tỳ-xá-ly. Cũng như con chó sói bệnh suy vì gẻ lở mà chết trong bãi tha ma¹⁷. Ni-kiền Tử kia cũng vậy. Tự mình đặt cấm pháp, sau lại phạm hết. Trước tự thề rằng suốt đời không mặc quần áo, sau đó lại mặc. Trước tự mình thề rằng suốt đời không uống rượu, ăn thịt và không ăn các thứ làm bằng bột mì, nhưng về sau lại ăn hết. Trước vốn tự mình thề rằng suốt đời không vượt qua khỏi bốn cái tháp: phía Đông tháp Ưu viên, Nam tháp Voi, Tây tháp Đa tử, Bắc tháp Thất tự. Nay trái lời hết, rời xa không còn gân gũ nữa. Người ấy sau khi vi phạm bảy lời thề ấy rồi, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, chết trong bãi tha ma.’ Phật bảo Thiện Tú: ‘Người ngu kia, người không tin lời Ta. Người hãy tự mình đi xem, sẽ tự mình biết’.”

Phật nói với Phạm chí:

“Một thời, Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành khát thực. Khất thực xong, lại ra khỏi thành, đi đến một khoảng trống trong bãi tha ma, thấy Ni-kiền Tử kia chết ở đó. Sau khi thấy như vậy, về đến chỗ Ta, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, nhưng không kể lại chuyện ấy với Ta. Phạm chí, nên biết, lúc ấy Ta nói với Thiện Tú: ‘Thế nào, Thiện Tú, những điều Ta ghi nhận về Ni-kiền Tử trước đây, có đúng như vậy không?’ Đáp rằng: ‘Đúng vậy, đúng như lời Thế Tôn đã nói.’ Phạm chí, nên biết, Ta đã hiện thần thông chứng minh cho Thiện Tú, nhưng kia lại nói: ‘Thế Tôn không thị hiện thần thông cho con’.”

“Lại một thời, Ta ở tại ấp Bạch thổ nước¹⁸ Minh-ninh, lúc bấy giờ có Ni-kiền Tử tên là Cứu-la-đế¹⁹, trú tại Bạch thổ, được mọi người sùng

cetiyam, miếu Udāna (Ưu viên) ở phía Đông Vesāli; Nam danh Tượng tháp 南名象塔; Pāli: dakkhiṇena Vesāliṃ Gotamakam nāma cetiyam, miếu Gotamaka ở phía Nam Vesāli; Tây danh Đa tử tháp 西名多子塔; Pāli: pacchimena Vesāliṃ Sattambam nāma cetiyam, miếu Sattamba (Thất tự) ở phía Tây Vesāli; Bắc danh Thất tự tháp 北名七聚塔; Pāli: uttarena Vesāliṃ Bahuputtam nāma cetiyam, ngôi miếu Bahuputta (Đa tử) ở phía Bắc Vesāli.

¹⁷. Pāli, D. 21: so (...) yasā nihīno kālam karissati, người ấy sẽ chết, mất hết tiếng tăm.

¹⁸. Minh-ninh quốc, Bạch thổ ấp 冥寧國白土邑; Pāli (D. 21): Thūlūsu viharāmi Uttarakā nāma Thūlūnam nigamo, Ta trú giữa những người Thulu, tại xóm Uttarakā của người Thūlu. (Bản Devanagari: Thūlu, bản Roman: Bhumu.)

¹⁹. Ni-kiền tử danh Cứu-la-đế 尼乾子名究羅帝; Pāli: acelo Korakkhattiyo

kính, tiếng tăm đồn xa, được nhiều lợi dưỡng. Khi ấy, Ta khoác y cầm bát vào thành khát thực. Tỳ-kheo Thiện Tú lúc bấy giờ đi theo Ta, thấy Ni-kiền Tử Cữu-la-đế đang nằm phục trên một đồng phân mà liếm bã trấu²⁰. Phạm chí, nên biết, khi Tỳ-kheo Thiện Tú thấy Ni-kiền Tử này nằm phục trên đồng phân mà ăn bã trấu, liền suy nghĩ rằng: ‘Các A-la-hán hay những vị đang hưởng đến quả A-la-hán trong thế gian không ai kịp vị này. Đạo của vị Ni-kiền Tử này là bậc nhất hơn hết. Vì sao? Người khổ hạnh mới được như vậy, dứt bỏ kiêu mạn, nằm trên đồng phân mà liếm bã trấu.’

“Phạm chí, bấy giờ Ta xoay người theo hướng phải, nói với Thiện Tú rằng: ‘Người ngu kia²¹, người há có thể tự nhận là Thích tử chẳng?’ Thiện Tú bạch Phật rằng: ‘Thế Tôn, vì sao gọi con là người ngu, không xứng đáng tự nhận là Thích tử?’ Phật nói với Thiện Tú: ‘Người ngu si, người quan sát Cữu-la-đế này ngồi chồm hổm trên đồng phân mà ăn bã trấu liền nghĩ rằng: Trong các A-la-hán hay những vị đang hưởng đến quả La hán, Cữu-la-đế này là tối tôn. Vì sao? Nay Cữu-la-đế này có thể hành khổ hạnh, trừ kiêu mạn, ngồi chồm hổm trên đồng phân mà ăn bã trấu. Người có ý nghĩ như vậy không?’ Đáp rằng: ‘Thật vậy.’ Thiện Tú lại nói: ‘Thế Tôn vì sao sanh tâm ganh tị với một vị A-la-hán?’ Phật nói: ‘Người ngu kia, Ta không hề sanh tâm ganh tị đối với một vị A-la-hán, làm sao nay lại sanh tâm tậ đố đối với một vị A-la-hán? Người, người ngu kia, bảo Cữu-la-đế là một vị chân A-la-hán. Nhưng người này sau bảy ngày nữa sẽ sinh bụng mà chết²², tái sanh làm quỷ đói thầy ma biết đi²³, thường chịu khổ vì đói. Sau khi mạng chung, được buộc bằng cọng lau mà lôi vào bãi tha ma. Nếu người không tin, hãy đến báo trước cho người ấy biết.’

“Rồi Thiện Tú liền đi đến chỗ Cữu-la-đế, bảo rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm kia tiên đoán rằng bảy ngày nữa ông sẽ bị sinh bụng mà chết, sanh

kukkuravatiko, lỏa thể Kotakkhattiya, tu theo kiểu chó.

²⁰. Hán: thỉ khang tao 舐糠糟; Pāli (D.21): chamānikīṇaṃ bhakkasaṃ mukhen-eva khādati mukheneva bhuñjati, bò lết trên đất, lấy miệng mà cắn hay nhai đồ ăn.

²¹. Hán: nhữ ý ngu nhơn 汝意愚人; Tống-Nguyên-Minh: nhữ ngu nhơn.

²². Hán: phúc trưởng mạng chung 腹脹命終; Pāli, D. 21: alasakena kālaṃ karissati, sẽ chết vì trúng thực.

²³. Hán: sanh khởi thi nạ quỷ 生起屍餓鬼, sanh loài quỷ đói thầy ma. Pāli, D. 21: Kalakañjā nāma asurā sabba-nihīno asura-kāyo tatra upajjissati, sẽ tái sanh làm thân A-tu-la tối hạ tiện, được gọi là Kalakanja.

vào trong loài quỷ đói thầy ma biết đi; sau khi chết, được buộc bằng sợi dây lau và lòi vào bãi tha ma.’ Thiện Tú lại dặn: ‘Ông hãy ăn uống cẩn thận, chớ để lời ấy đúng.’ Phạm chí, nên biết, qua bảy ngày, Cứu-la-đế bị sinh bụng mà chết, tức thì sanh vào trong loài quỷ đói thầy ma; sau khi chết, được buộc bằng dây lau và lòi vào bãi tha ma. Thiện Tú sau khi nghe Phật nói, co ngón tay tính ngày. Cho đến ngày thứ bảy, Tỳ-kheo Thiện Tú đi đến xóm lỏa hình, hỏi người trong xóm: ‘Này các bạn, Cứu-la-đế nay đang ở đâu?’ Đáp rằng: ‘Chết rồi.’ Hỏi: ‘Vì sao chết?’ Đáp: ‘Bị sinh bụng.’ Hỏi: ‘Chôn cất thế nào?’ Đáp: ‘Được buộc bằng dây lau và lòi vào bãi tha ma.’

“Phạm chí, Thiện Tú sau khi nghe như vậy, liền đi đến bãi tha ma. Khi sắp sửa đến nơi, hai đầu gối của thầy ma động đậy, rồi bỗng nhiên ngồi chồm hổm dậy. Tỳ-kheo Thiện Tú vẫn cứ đi đến trước thầy ma, hỏi: ‘Cứu-la-đế, ông chết rồi phải không?’ Thầy ma đáp: ‘Ta chết rồi.’ Hỏi: ‘Ông đau gì mà chết?’ Đáp: ‘Cù-đàm đã tiên đoán ta sau bảy ngày sinh bụng mà chết. Quả như lời, qua bảy ngày, ta sinh bụng mà chết.’ Thiện Tú lại hỏi: ‘Ông sanh vào chỗ nào?’ Đáp: ‘Như Cù-đàm tiên đoán, ta sẽ sanh vào loài quỷ đói thầy ma biết đi. Nay ta sanh vào trong quỷ đói làm thầy ma biết đi.’ Thiện Tú hỏi: ‘Khi ông chết, được chôn cất như thế nào?’ Thầy ma đáp: ‘Như Cù-đàm đã tiên đoán, ta sẽ được buộc bằng dây lau rồi lòi vào bãi tha ma. Quả như lời, ta được buộc bằng dây lau rồi lòi vào bãi tha ma.’ Rồi thầy ma nói với Thiện Tú: ‘Người tuy xuất gia mà không được điều thiện lợi. Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, mà người thường không tin.’ Nói xong, thầy ma lại nằm xuống.

“Phạm chí, bấy giờ Tỳ-kheo Thiện Tú đi đến chỗ Ta, đánh lễ xong, ngồi xuống một bên, nhưng không kể lại chuyện ấy với Ta. Ta liền nói: ‘Như lời Ta tiên đoán, Cứu-la-đế có thật như vậy không?’ Đáp: ‘Thật vậy, đúng như Thế Tôn nói.’ Phạm chí, Ta nhiều lần như vậy thị hiện thần thông chứng cho Tỳ-kheo Thiện Tú, nhưng kia vẫn nói: ‘Thế Tôn không hiện thần thông cho con thấy’.”

Phật lại nói với Phạm chí:

“Một thời, Ta ở tại Tập pháp đường, bên bờ hồ Di hầu²⁴. Khi ấy có Phạm chí tên là Ba-lê Tử²⁵, đang ngụ tại chỗ kia, được mọi người

²⁴. Pāli, D. 21: tại Vesāli, trong Đại lâm, giảng đường Trùng các. Xem đoạn trên.

²⁵. Hán: Phạm chí danh Ba-lê Tử 梵志名波梨子; Pāli: acela Pāṭithaputta (bản Roman: Pāṭikaputta), lỏa thể Pāṭikaputta.

sùng kính, có nhiều lợi dưỡng. Người ấy ở giữa quần chúng Tỳ-xá-ly nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai. Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn. Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Sa-môn hiện ba mươi hai, ta hiện sáu mươi tư. Tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’

“Phạm chí, khi ấy Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành khát thực. Trông thấy Phạm chí Ba-lê Tử đang nói như vậy giữa quần chúng: ‘Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai. Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn. Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Sa-môn hiện ba mươi hai, ta hiện sáu mươi tư. Tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’ Tỳ-kheo Thiện Tú sau khi khát thực xong, về đến chỗ Ta, đánh lễ rồi ngồi xuống một bên, nói với Ta rằng: ‘Sáng nay, con khoác y cầm bát vào thành khát thực, nghe Ba-lê Tử ở Tỳ-xá-ly đang nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.’ Kể lại cho Ta đầy đủ sự việc ấy. Ta nói với Thiện Tú: ‘Ba-lê Tử ở giữa quần chúng, nếu không từ bỏ lời ấy mà đi đến Ta, sẽ không có trường hợp ấy. Nếu người kia nghĩ rằng: ‘Ta không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ quan điểm ấy, không xả bỏ kiêu mạn ấy, mà cứ đi đến Sa-môn Cù-đàm, thì đầu ông ấy sẽ bị bể làm bảy mảnh. Không có trường hợp người ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ kiêu mạn ấy, mà vẫn đi đến Ta.’

“Thiện Tú nói: ‘Thế Tôn hãy giữ miệng. Như Lai hãy giữ miệng.’ Phật hỏi Thiện Tú: ‘Vì sao người nói: Thế Tôn hãy giữ miệng. Như Lai hãy giữ miệng?’ Thiện Tú nói: ‘Ba-lê Tử kia có uy thần lớn, có uy lực lớn. Giả sử ông ấy đến thật, há không phải Thế Tôn hư dối sao?’ Phật bảo Thiện Tú: ‘Như Lai có bao giờ nói hai lời không?’ Đáp: ‘Không.’ Phật lại bảo Thiện Tú: ‘Nếu không có hai lời, tại sao người lại nói: Thế Tôn hãy giữ

miệng. Như Lai hãy giữ miệng?’ Thiện Tú bạch Phật: ‘Thế Tôn do tự mình thấy biết Ba-lê Tử, hay do chư Thiên nói?’ Phật nói: ‘Ta tự mình biết và cũng do chư Thiên đến nói cho nên biết. Đại tướng A-do-đà ở Tỳ-xá-ly²⁶ này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trời Đao-lợi. Ông đến nói với Ta rằng: ‘Phạm chí Ba-lê Tử kia không biết xấu hổ, phạm giới, vọng ngữ, ở Tỳ-xá-ly, giữa quần chúng, nói lời phỉ báng như vậy: Đại tướng A-do-đà sau khi thân hoại mạng chung sanh vào loài quỷ thầy ma biết đi²⁷. Nhưng thật sự con thân hoại mạng chung sanh vào trời Đao-lợi.’ Ta đã tự mình biết trước viện Ba-lê Tử và cũng do chư Thiên nói lại nên biết.’ Phật nói với Thiện Tú ngu ngốc: ‘Người không tin Ta, thì hãy vào thành Tỳ-xá-ly, tùy ý mà rao lên. Ta sau bữa ăn sẽ đi đến chỗ Phạm chí Ba-lê Tử’.”

²⁶. Tỳ-xá-ly A-do-đà đại tướng 毗舍離阿由陀大將; Pāli: Ajito pi nāma Licchavīnaṃ senāpati, vị tướng quân người Licchavi tên là Ajita.

²⁷. Khởi thi quỷ 起尸鬼; Pāli, D.21: mahānirayaṃ upapanno, sanh vào địa ngục lớn.